TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2019
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê, ông Lê Đăng Huấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 04 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2018/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX – ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Long H, sinh năm 1993 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Long H trình bày : Anh và chị Nguyễn Thị Quỳnh T đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 02 năm 2013. Trong quá trình chung sống, anh và chị T có con chung tên là Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị T bỏ nhà ra đi không có tin tức gì và đã được Tòa án tuyên bố mất tích, cho nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trịnh Đình Tuấn K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng, đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung.

Tại Quyết định số 08/2018/QĐDS - ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1995, nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, mất tích.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh H ly hôn với chị T. Sau khi ly hôn, giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung do anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Ngày 05 tháng 02 năm 2013, anh H và chị T có đăng ký kết hôn với nhau. Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung. Hiện nay, chị T đã bị Tòa án đã tuyên bố mất tích, do đó anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Anh H làm đơn khởi kiện đúng quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí. Chị T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, cho nên Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Do chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 05 tháng 02 năm 2013, anh H và chị T kết hôn với nhau. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến chị T bỏ nhà ra đi, không có tin tức gì và theo yêu cầu của anh H, Tòa án đã tuyên bố chị T mất tích, vì vậy anh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T là có căn cứ pháp lý, phù hợp với khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Lật hôn nhân gia đình, do đó Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H cho anh ly hôn với chị T.

3.2. Về con chung :

Trong quá trình chung sống, anh H và chị T có 01 con chung là cháu Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và hiện nay cháu K đang ở cùng với anh H. Mặt khác chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trịnh Đình Tuấn K cho anh Trịnh Long H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

3.3. Về cấp dưỡng : Trong thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung : Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử cũng không đề cập.

3.5. Về án phí : Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn – anh Trịnh Long H vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 và Điều 81 của Lật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Long H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trịnh Long H ly hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014 cho anh Trịnh Long H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, kể từ ngày Tòa tuyên án.

3. Về án phí: Anh Trịnh Long H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh Trịnh Long H đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/ 0010339 ngày 27 tháng 11 năm 2018.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND xã Đ;*
- *Anh Trịnh Long H ;*
- *Niêm yết tại UBND xã C;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG